TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST
Ngày 15- 01- 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Tác và bà Nguyễn Thị Kim Chi

Thư ký phiên toà*:* Ông Nguyễn Thái Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Phong – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 627/2024/TLST-HNGĐ ngày 05/11/2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 502/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/12/2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 315/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31/12/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1994. Nơi cư trú: tổ C, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang (*yêu cầu vắng mặt*).

- *Bị đơn*: Anh Phạm Hồng T1, sinh năm 1985. Nơi cư trú: tổ C, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

Chị Nguyễn Thị Mỹ T và anh Phạm Hồng T1 là vợ chồng vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện P, tỉnh An Giang (Giấy chứng nhận kết hôn số 55/2014 ngày 07/11/2014). Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T1 thường xuyên ghen tuông nói chị có người đàn ông khác, mua định vị gắn lên xe theo dõi chị, đuổi chị đi và đốt quần áo chị, từ đó chị quyết định ly thân, không còn chung sống với anh T1 cho đến nay. Do tình cảm không còn nên yêu cầu ly hôn anh T1. Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Thị Hồng T2, sinh ngày 03/9/2015 và Phạm Thị Hồng T3, sinh ngày 13/9/2020 do chị T nuôi dưỡng từ khi ly thân đến nay, yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung:

tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Nợ chung (phải thu, phải trả) không có. Chị yêu cầu vắng mặt khi xét xử.

Đối với bị đơn: Tòa án đã triệu tập để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần để xét xử, nhưng bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

Tòa án tiến hành xác minh được bà Võ Thị Đ (mẹ ruột anh T1) cho biết: hiện tại vợ chồng T - T1 không còn sống chung vì có mâu thuẫn chuyện gia đình, vợ chồng xích mích với nhau, gia đình có khuyên ngăn hàn gắn nhưng không thành. Vợ chồng T1 - T có 02 con chung tên Phạm Thị Hồng T2, sinh ngày 03/9/2015 và Phạm Thị Hồng T3, sinh ngày 13/9/2020, T đã dẫn 02 con chung của vợ chồng về ở bên gia đình của T nuôi dưỡng từ lúc ly thân với T1 đến nay.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Qua đó, cho thấy bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Mỹ T được ly hôn với anh Phạm Hồng T1. Về con chung: giao 02 con chung tên Phạm Thị Hồng T2, sinh ngày 03/9/2015 và Phạm Thị Hồng T3, sinh ngày 13/9/2020 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không xem xét. Chị T phải chịu án phí hôn nhân theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn có nơi cư trú tại xã P, huyện P, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"* là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố Tụng Dân sự.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh T1.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Chị T và anh T1 là vợ chồng có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp nhưng quá trình chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh T1 hay ghen tuông, không tin tưởng chị T, vợ chồng không còn sống chung từ đầu năm 2024 đến nay. Tòa án đã triệu tập anh T1 để tham gia hòa giải, xét xử nhưng anh không đến, chị T cương quyết ly hôn, do đó chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh T1 là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:* Vợ chồng chị T – anh T1 có 02 con chung tên Phạm Thị Hồng T2, sinh ngày 03/9/2015 và Phạm Thị Hồng T3, sinh ngày 13/9/2020 do chị T đang nuôi dưỡng và có yêu cầu tiếp tục nuôi. Để đảm bảo môi trường phát triển của con được ổn định, thuận lợi trong việc học tập, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần tiếp tục giao cháu T2 và T3 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T tự thỏa thuận nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Ghi nhận chị T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị T, anh T1 phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, anh T1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ T.

1. Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Mỹ T được ly hôn với anh Phạm Hồng T1.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Phạm Thị Hồng T2, sinh ngày 03/9/2015 và Phạm Thị Hồng T3, sinh ngày 13/9/2020 do chị T đang nuôi dưỡng.

Giao chị Nguyễn Thị Mỹ T trực tiếp nuôi dạy 02 con chung tên Phạm Thị Hồng T2 và Phạm Thị Hồng T3 đến khi thành niên và tự lập được. Anh Phạm Hồng T1 không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, các thành viên gia đình không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Ghi nhận chị T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị T, anh T1 phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu án phí hôn nhân gia đình 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0011557 ngày 31/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Anh Phạm Hồng T1 không phải chịu án phí.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND xã Phú Xuân, huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhung